

Bản án số: 129/2019/HS-ST

Ngày 15 - 10 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huê và ông Trịnh Văn Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2019/TLHS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn S, sinh năm 1979 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi ĐKNKTT: tổ 1, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: tổ 4, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; vợ: Trần Thị T, sinh năm 1983; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án: Ngày 13/12/2012 Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với số tiền trộm cắp dưới 2.000.000 đồng; ngày 23/12/2013 Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với số tiền trộm cắp dưới 2.000.000 đồng; ngày 25/3/2016 Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với số tiền trộm cắp dưới 2.000.000 đồng (chấp hành xong ngày 19/10/2017).

Tiền sự: không; nhân thân: Ngày 13/7/2006 Tòa án nhân dân thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; ngày 12/12/2008 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ra Quyết định về việc đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 24 tháng; ngày 29/9/2011 Công an huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2019 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. Có mặt.

*** Bị hại:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1959; trú tại: tổ 8, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Trần Ngọc T1, sinh năm 1993; trú tại: tổ 1, phường LHP, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Chị Trần Thị T, sinh năm 1983; trú tại: tổ 4, phường LHP, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Trương Văn K, sinh năm 1981.

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1973.

3. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1957.

Những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 24/6/2019, Trần Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 90B2-640.97 đi lang thang ở địa bàn phường LHP với mục đích lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 02 giờ ngày 25/6/2019, S đi đến tổ 8, phường LHP, thành phố Phủ Lý, phát hiện cổng nhà bà Trần Thị H không khóa cổng nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản để trộm cắp. S dựng xe trên đường bê tông cách cổng 4 đến 5m, tắt máy, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ điện. S đi vào trong sân nhà bà H, S quan sát xung quanh nhưng không có tài sản gì nên tiến đến cửa chính nhà bà H thấy cửa chính khép, S mở cửa chính để vào trộm cắp nhà bà H. Lúc này anh Trương Văn K là hàng xóm nhà bà H nghe thấy tiếng chó sủa và tiếng xe máy nổ sau đó tắt máy thì nghi ngờ có trộm nên dậy cầm đèn pin ra đường kiểm tra. Anh K thấy trước cổng nhà bà H có một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B2-640.97 đang dựng trên đường. Anh K đi về phía cổng nhà bà H thì phát hiện S vào nhà bà H nên quay ra đường nhặt hai viên đá rồi quay lại phía nhà bà H hô “trộm, trộm”, đồng thời rút chìa khóa xe mô tô biển kiểm soát 90B2-640.97. Nghe thấy tiếng tri hô, S biết bị phát hiện nên đi ra phía ngoài cổng chỗ dựng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B2-640.97 để chạy thoát thì không thấy chìa khóa ở ổ điện, đoán anh K đang giữ chìa khóa nên S nói với anh K: “Tôi không trộm cắp gì cả, trả chìa khóa cho tôi”. Anh K không đưa chìa khóa cho S mà tiếp tục hô “trộm, trộm”. Đúng lúc đó bà H cùng một số người dân trong xóm đi đến. S thấy đông người nên bỏ xe máy ở lại và đi về nhà.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen xám biển kiểm soát 90B2-640.97; 01 giấy đăng ký xe máy, xe mô tô biển kiểm soát 90B2-640.97 mang tên Trần Ngọc T1.

Ngày 27/6/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại bản cáo trạng số 129/CT-VKSPL ngày 09/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố Trần Văn S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Trần Văn S theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn S mức án tù từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại anh Trần Ngọc T1 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, đeo BKS 90B2-640.97, S màu đen xám và 01 giấy đăng ký xe máy, xe mô tô số 103953, BKS 90B2-640.97.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản cáo trạng đã mô tả và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Ngọc T1 và chị Trần Thị T đều có quan điểm: Anh Trần Ngọc T1 cho chị Trần Thị T (vợ bị cáo S) mượn xe máy để làm phương tiện đi lại, S lấy xe đi song chị T không biết S sử dụng xe vào mục đích trộm cắp tài sản. Nay chị T và anh T1 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho anh Trần Ngọc T1 xin lại xe để lấy phương tiện đi lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp chứng cứ khác của vụ án như biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Với mục đích trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân nên khoảng 02 giờ ngày 25/6/2019 Trần Văn S đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích đã đột nhập vào nhà bà Trần Thị H ở tổ 8, phường LHP, thành phố Phủ Lý với mục đích có tài sản gì thì lấy trộm tài sản đó, nhưng chưa lấy được tài sản gì thì bị phát hiện nên S bỏ chạy.

Căn cứ điểm a mục 2 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” đến nay chưa được xóa án tích, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị kết án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đã được xóa, bị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, bị cáo chưa trộm cắp được tài sản gì đã bị phát hiện, bị cáo có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” là căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội lần này của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung:

Về hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật, bản thân bị cáo là người đã nhiều lần bị kết án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, tu dưỡng bản thân mà sau khi chấp hành xong hình phạt tù lại tiếp tục thực hiện hành vi nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an khu dân cư, tạo nên tâm lý lo ngại, bức xúc trong nhân dân. Vì vậy cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội trong trường hợp “Phạm tội chưa đạt” nên cần áp dụng Điều 15; Điều 57 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có công việc làm, không có nguồn thu nhập, mục đích phạm tội để tiêu sài cá nhân, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 90B2-640.97 kèm theo giấy đăng ký xe mang tên Trần Ngọc T1, quá trình điều tra xác định đây

là tài sản hợp pháp của anh Trần Ngọc T1, anh T1 cho chị Trần Thị T (vợ bị cáo) là chị gái mượn xe để đi lại song không biết S sử dụng chiếc xe trên vào việc trộm cắp tài sản nên cần trả lại chiếc xe cùng giấy đăng ký xe cho anh T1.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị H xác định không bị mất tài sản gì và không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106; 135; 136; 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2019.

2/ Xử lý vật chứng:

Trả lại anh Trần Ngọc T1 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 90B2-640.97 S màu đen xám, số khung 3210HY136823, số máy E3X9E320402 và 01 giấy đăng ký xe máy số 103953 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 24/01/2018 mang tên Trần Ngọc T1.

Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 23/9/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý.

3/ Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Văn S phải nộp: 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Xuyên**